

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 77/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 10/3/2020

V/v: Ly hôn, tranh chấp về việc nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH THANH HÓA

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Vân

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Bình Quyền

Bà Trịnh Thị Loan

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Bình – Thư ký Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện H tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hoa – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 3 năm 2020 tại Tòa án nhân dân huyện H xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý: 13/2020/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 01 năm 2020 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 25/02/2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Cao Thị L, sinh năm 1975

Địa chỉ: Thôn T, xã Đ, huyện H, tỉnh Thanh Hóa

Bị đơn: Anh Chu Công B, sinh năm 1973

Địa chỉ: Thôn T, xã Đ, huyện H, tỉnh Thanh Hóa

Tại phiên tòa có mặt cả hai bên đương sự.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 07/01/2020, các lời khai trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chị Cao Thị L trình bày:

Chị Cao Thị L và anh Chu Công B tự nguyện đến với nhau, được hai bên gia đình đồng ý và có tổ chức cưới theo phong tục địa phương từ năm 1996 nhưng không làm thủ tục đăng ký kết hôn, và đến nay cũng chưa đăng ký kết hôn. Sau khi cưới cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc, nguyên nhân là do anh B thường xuyên chơi bời, cờ bạc. Nay chị L xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh B.

Quá trình giải quyết vụ án, anh B từ chối khai và từ chối việc Tòa án lấy lời khai của mình, nhưng tại phiên hòa giải ngày 14/02/2020 và tại phiên tòa, anh B xác định anh và chị L có tổ chức cưới theo đúng phong tục của địa phương, về chung sống với nhau từ năm 1996, nhưng không có đăng ký kết hôn. Sau khi cưới, anh chị chung sống bình thường,

không có mâu thuẫn gì. Nay chị L xin ly hôn anh, anh xác định có níu kéo cũng không níu kéo được nên đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Chị L và anh B xác định: Anh chị có ba con chung là: Chu Thị Ngọc A, sinh ngày 29/9/1997; Chu Công B1, sinh ngày 03/5/2001; Cháu Chu Thị Ngọc A1, sinh ngày 25/3/2004. Hiện hai con Ngọc A và Công B1 đã trưởng thành và tự lập. Tại bản tự khai ngày 14/02/2020, cháu Ngọc A1 có nguyện vọng xin ở với mẹ nên anh chị tôn trọng quyết định của con và thống nhất thỏa thuận: chị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Ngọc A1, anh B không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và công nợ: Chị L và anh B không yêu cầu tòa án giải quyết.

Xác minh tại địa phương xã Hoàng Đ, huyện H, tỉnh Thanh Hóa: Chị Cao Thị L và anh Chu Công B chung sống với nhau như vợ chồng và có ba con chung là Chu Thị Ngọc A, sinh ngày 29/9/1997; Chu Công B1, sinh ngày 03/5/2001; Cháu Chu Thị Ngọc A1, sinh ngày 25/3/2004. Tuy nhiên qua kiểm tra sổ sách, hồ sơ đăng ký kết hôn giai đoạn từ năm 1993 đến nay thể hiện chị L và anh B chưa làm thủ tục đăng ký kết hôn. Nay chị L xin ly hôn anh B, quan điểm của UBND xã Hoàng Đ là chị L và anh B tuy có chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không có đăng ký kết hôn, nên đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H trình bày nhận xét về trình tự thủ tục tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật về tố tụng dân sự, đảm bảo thời hạn chuẩn bị xét xử. Nguyên đơn, bị đơn được thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Cao Thị L và anh Chu Công B. Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử công nhận thỏa thuận của các đương sự về việc chị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Chu Thị Ngọc A1, anh B không phải cấp dưỡng. Về tài sản và công nợ: Chị L và anh B không yêu cầu nên miễn xét. Về án phí: đề nghị chị L phải chịu án phí theo luật định.

Tại phiên tòa nguyên đơn - chị Cao Thị L không có sự thay đổi, bổ sung, rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện, các bên đương sự **không thể tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.**

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Chị Cao Thị L và anh Chu Công B sống chung với nhau nhưng không đăng ký kết hôn, nay chị L làm đơn khởi kiện xin ly hôn và xin được nuôi con, đây là quan hệ tranh

chấp về hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 7 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn - anh B có địa chỉ tại xã Hoàng Đ, huyện H, tỉnh Thanh Hóa nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Thanh Hóa theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về Nội dung:

[2.1]. Về hôn nhân: Anh Chu Công B và Chị Cao Thị L tự nguyện tổ chức cưới và chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1996, có đủ điều kiện kết hôn nhưng cho đến nay đôi bên đều không có đăng ký kết hôn. Sau khi cưới, vợ chồng chung sống không có hạnh phúc, nguyên nhân do anh B thường xuyên chơi bời, cờ bạc. Nay xác định tình cảm không còn nên chị L khởi kiện xin ly hôn anh B. Căn cứ Điều 9, Điều 14, Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, quan hệ hôn nhân giữa anh B và chị L không được pháp luật công nhận, không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng nên không có cơ sở để giải quyết ly hôn mà cần tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh B và chị L.

[2.2]. Về con chung: Chị L và anh B có ba con chung: Chu Thị Ngọc A, sinh ngày 29/9/1997; Chu Công B1, sinh ngày 03/5/2001; Chu Thị Ngọc A1, sinh ngày 25/3/2004. Chị L và anh B thỏa thuận: Chị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Chu Thị Ngọc A1, anh B không phải cấp dưỡng. Hội đồng xét xử nhận định: Hai con lớn của anh chị là Chu Thị Ngọc A và Chu Công B1 đã trưởng thành và tự lập nên không xét; cháu Chu Thị Ngọc A1 có nguyện vọng ở với mẹ là chị L nên thỏa thuận của chị L và anh B là hoàn toàn dựa trên nguyện vọng của con và phù hợp với quy định của pháp luật nên cần được công nhận.

[2.3]. Về tài sản và công nợ: Chị L và anh B không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.4]. Về án phí: Nguyên đơn chị Cao Thị L phải chịu toàn bộ án phí dân sự trong vụ án ly hôn.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 7 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 235, Điều 266, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53, các điều 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Cao Thị L và anh Chu Công B.

Công nhận thỏa thuận của chị L và anh B về việc giao cháu Chu Thị Ngọc A1, sinh ngày 25/3/2004 cho chị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, anh B không phải cấp dưỡng.

Anh B có quyền qua lại, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

Về án phí: Nguyên đơn chị Cao Thị L phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị L đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số **AA/2019/0009718 ngày 07/01/2020** của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H. (Chị L đã nộp đủ án phí).

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện H;
- Chi cục THADS huyện H;
- UBND xã Hoàng Đ;
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lê Thị Ngọc Vân